TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 12 năm 2024
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị P B, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Số 00 đường N, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm T T, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 00 đường D, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Võ Thị P B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm T T kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 1, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài ngày không hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Anh N sinh ngày 23/6/2021, con chung đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Phạm Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị P B và ông Phạm T T kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 1, thành phố Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay, tình cảm vợ chồng của bà đối với ông T không còn, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với ông T. Đối với ông Phạm Trọng T, Tòa án đã thông báo cho ông T biết yêu cầu khởi kiện của bà B nhưng ông T không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị P B được ly hôn với ông Phạm T T.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 23/6/2021, con chung đang sống cùng với ông T đã ổn định về cuộc sống, bà thống nhất giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà B không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị P B được ly hôn với ông Phạm T T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 23/6/2021 cho ông Phạm T T tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Võ Thị P B không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị P B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 04/10/2024 bà B đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0009368 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển

thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 1; thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang